

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển
văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ các quy định của pháp luật liên quan;

Căn cứ Công văn số 2989/BVHTTDL-KHTC ngày 29/8/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được nêu tại Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 29/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố (Kèm theo Đề án quy hoạch, phụ lục, bảng biểu, bản đồ), với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu phát triển tổng thể

- Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch của Vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Tập trung xây dựng văn hóa và con người Hải Phòng phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, mang nét đặc trưng của thành phố Hải Phòng. Xây dựng, phát triển gia

đỉnh Việt Nam no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, văn hóa, tiến bộ và phát triển bền vững.

- Tiếp tục giữ vững vị trí là một trung tâm thể dục thể thao mạnh của cả nước. Phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao; tập trung đầu tư phát triển thể thao thành tích cao có trọng tâm, trọng điểm.

- Xây dựng du lịch Hải Phòng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, bền vững, chuyên nghiệp, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát huy cao độ tài nguyên du lịch của thành phố; xây dựng Đồ Sơn, Cát Bà trở thành trọng điểm du lịch quốc gia, quốc tế.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu và định hướng phát triển (Có phụ lục của từng lĩnh vực kèm theo)

2.1. Lĩnh vực văn hóa - gia đình

Bao gồm các lĩnh vực: Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa; Nghệ thuật biểu diễn; Điện ảnh; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Văn học nghệ thuật; Thư viện; Văn hóa cơ sở; Dịch vụ văn hóa; Gia đình; Hạ tầng cơ sở văn hóa; Tài nguyên du lịch.

- Chỉ tiêu chủ yếu:

- + Đến năm 2020, có 1 di sản thiên nhiên thế giới (Quần đảo Cát Bà); đến năm 2025, có thêm 1 di tích quốc gia đặc biệt.

- + Đến năm 2020, thành lập Nhà hát sân khấu truyền thống, Nhà hát Ca Múa Nhạc Hải Phòng; đến năm 2025, xây dựng Nhà hát nghệ thuật 2000 ghế.

- + Đến năm 2020: Mỗi chuyên ngành văn học nghệ thuật có từ 1- 2 tác phẩm chất lượng đạt giải thưởng cấp quốc gia trở lên; đến năm 2025, có 2 - 3 tác phẩm chất lượng đạt giải thưởng cấp quốc gia trở lên; đến năm 2030, có 3-4 tác phẩm chất lượng đạt giải thưởng cấp quốc gia trở lên

- + Tỷ lệ gia đình văn hóa đến năm 2020 đạt 90-95%, đến năm 2025 và năm 2030 đạt trên 95%; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố văn hóa đến năm 2020 đạt 75-80%, đến năm 2025 đạt 90-92%; đến năm 2030 đạt 93-95%.

2.2. Lĩnh vực thể dục, thể thao

- Bao gồm: Thể dục thể thao quần chúng; Thể dục thể thao trong trường học; Thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang; Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; Dịch vụ thể dục thể thao; Hạ tầng cơ sở.

- Chỉ tiêu chủ yếu:

- + Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đến năm 2020 đạt 35%, đến năm 2025 đạt 36-37%, đến năm 2030 đạt 39-40%; tỷ lệ hộ

gia đình tham gia tập luyện thể dục, thể thao đến năm 2020 đạt 20-25%, đến năm 2025 đạt 25-27%, đến năm 2030 đạt 28-30%.

+ Đến năm 2020: Tập trung đầu tư, phát triển 15 môn thể thao trọng điểm. Đoàn thể thao Hải Phòng xếp hạng vị trí trong top 5 các đơn vị dẫn đầu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc. Giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030: Củng cố vững chắc thành tích thi đấu của 15 môn thể thao trọng điểm; bổ sung phát triển thêm 4 môn. Đoàn thể thao thành phố xếp hạng vị trí trong top 4 đơn vị dẫn đầu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc.

2.3. Lĩnh vực du lịch

- Bao gồm: Khách du lịch; Doanh thu du lịch; Cơ sở lưu trú; Lao động du lịch; Các sản phẩm du lịch chính; Các khu du lịch trọng điểm; Hạ tầng du lịch.

- Chỉ tiêu chủ yếu:

+ Khách du lịch: đến năm 2020 đạt 7,5-8 triệu lượt khách (trong đó có 1,1-1,3 triệu lượt khách quốc tế); đến năm 2025 đạt 9-9,5 triệu lượt khách (trong đó có 1,5-1,7 triệu lượt khách quốc tế); đến năm 2030 đạt 10-10,5 triệu lượt khách (trong đó có 2,2-2,5 triệu lượt khách quốc tế)

+ Doanh thu du lịch: Đến năm 2020, doanh thu đạt 3.500-4.500 tỷ đồng; đến năm 2025 đạt 5.500-6.500 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt 9.000-12.000 tỷ đồng.

3. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

3.1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính, đất đai và đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất

- Nguồn vốn thực hiện quy hoạch bao gồm: Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp; nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển (nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, nguồn vốn địa phương) và nguồn vốn huy động ngoài ngân sách.

Tổng nguồn vốn (cả giai đoạn 2016-2030) là: 146.132.000 triệu đồng

Trong đó:

- Vốn ngân sách: 5.904.000 triệu đồng

- Vốn huy động ngoài ngân sách: 140.228.000 triệu đồng

- Nguồn vốn lĩnh vực văn hóa - gia đình: **Giai đoạn 2016-2020:** Tổng nguồn vốn là: 653.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 445.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 208.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2021-2025:** Tổng nguồn vốn là: 1.224.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 1.060.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 164.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2026-2030:** Tổng nguồn vốn là: 1.238.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 1.158.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 80.000 triệu đồng.

- *Nguồn vốn lĩnh vực thể dục thể thao:* **Giai đoạn 2016-2020:** Tổng nguồn vốn là: 8.039.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 764.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 7.275.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2021-2025:** Tổng nguồn vốn là: 6.347.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 515.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 5.832.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2026-2030:** Tổng nguồn vốn là: 5.718.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 674.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 5.044.000 triệu đồng.

- *Nguồn vốn lĩnh vực du lịch:* **Giai đoạn 2016-2020:** Tổng nguồn vốn là: 61.429.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 454.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 60.975.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2021-2025:** Tổng nguồn vốn là: 30.841.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 506.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 30.335.000 triệu đồng. **Giai đoạn 2026-2030:** Tổng nguồn vốn là: 30.643.000 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách: 328.000 triệu đồng, vốn huy động ngoài ngân sách: 30.315.000 triệu đồng.

- Diện tích đất để thực hiện quy hoạch:

+ *Diện tích đất sử dụng đến năm 2025:* Diện tích đất dành cho lĩnh vực văn hóa là 355 ha (bao gồm diện tích đất danh lam thắng cảnh; xây dựng, mở rộng nâng cấp công trình văn hóa cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã; diện tích đất xây dựng khu công viên văn hóa). Diện tích đất dành cho lĩnh vực thể dục thể thao là 523 ha (bao gồm diện tích đất xây dựng, mở rộng nâng cấp công trình thể dục thể thao cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã). Diện tích đất dành cho lĩnh vực du lịch là 20.537 ha.

+ *Diện tích đất sử dụng đến năm 2030:* Diện tích đất công trình văn hóa, thể dục - thể thao bình quân đầu người của thành phố đạt tiêu chuẩn quy định.

3.2. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực

3.3. Nhóm giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; hoàn thiện tổ chức bộ máy, chính sách cán bộ.

3.4. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh xã hội hoá

3.5. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

3.6. Nhóm giải pháp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, bảo vệ môi trường

3.7. Nhóm giải pháp về phối hợp các hoạt động văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch

3.8. Nhóm giải pháp phối hợp và hợp tác giữa các ban ngành, vùng lãnh thổ trong phát triển các lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch

3.9. Nhóm giải pháp hợp tác quốc tế về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch

3.10. Nhóm giải pháp đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội trong phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, tổ chức công bố công khai Quy hoạch và tổ chức quản lý, triển khai Quy hoạch; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa XV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- Văn phòng QH, Ban Công tác ĐB;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ VHTTDL;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Thể dục thể thao;
- Tổng cục Du lịch;
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐB Quốc hội tại HP;
- Ủy ban MT TQ VN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, ĐBQH, HĐND TP, UBND TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND các Q, H;
- Báo HP, Đài PT&TH HP;
- Công báo TP (để đăng);
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

Phụ lục 1
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN VĂN HÓA- GIA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 197/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2015	ĐẾN NĂM 2020	ĐẾN NĂM 2025	ĐẾN NĂM 2030	GHI CHÚ
1	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa						
1.1.	Số di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO vinh danh	Di sản	0	1	1	1	Di sản thiên nhiên Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà
1.2.	Số di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp được UNESCO vinh danh	Di sản	1	1	1	1	Di sản Hát Ca Trù (phân bố tại 16 tỉnh, thành phố)
1.3.	Số di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt	Di tích	2	2	3	3	- Các di tích đã được công nhận: Danh thắng quần đảo Cát Bà; Khu di tích và đền thờ Nguyễn Bình Khiêm, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo - Bổ sung 1 di tích quốc gia đặc biệt tại địa điểm Khu III, Đồ Sơn.
1.4	Số di tích xếp hạng cấp quốc gia	Di tích	114	119	125	128	
1.5.	Số di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Di sản	3	6	6	8	- Các di sản đã được công nhận: Lễ hội Chọi Trâu Đồ Sơn; Lễ hội Nữ tướng Lê Chân; Nghệ thuật hát Ca Trù (chung với 1 số tỉnh, thành phố)
1.6.	Bảo tàng cấp thành phố	Bảo tàng	1	1	1	2	- Bảo tàng đã có: Bảo tàng Hải Phòng - Xây dựng mới: Bảo tàng Mỹ thuật thành phố
1.7	Bảo tàng thuộc các ngành khác quản lý						
-	Bảo tàng Hồ Chí Minh	Bảo tàng	0	0	1	1	
-	Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam – Bảo tàng Hải quân	Bảo tàng	1	1	1	1	

-	Bảo tàng lực lượng vũ trang Quân khu III	Bảo tàng	1	1	1	1	
-	Bảo tàng Hải dương học	Bảo tàng	0	0	0	1	Thành lập giai đoạn 2025-2030; xây dựng từ giai đoạn sau năm 2030
-	Bảo tàng Xi măng Việt Nam	Bảo tàng	0	0	0	1	Thành lập giai đoạn 2025-2030; Xây dựng từ giai đoạn sau năm 2030
1.8	Bảo tàng ngoài công lập	Bảo tàng		1	2	3	Khuyến khích thành lập các bảo tàng nghề thủ công truyền thống
1.9	Lễ hội cấp thành phố	Lễ hội	0	7	7	7	- Lễ hội Làng cá Cát Bà, Lễ hội Xa Mả - Cát Hải, Lễ hội Từ Lương Xâm - Hải An, Lễ hội Minh Thê - Kiến Thụy, Lễ hội Núi Voi - An Lão, Lễ hội tưởng niệm Vương Triều Mạc – Kiến Thụy, Lễ hội Phạm Tử Nghi - Lê Chân.
1.10	Lễ hội cấp vùng	Lễ hội	0	4	4	4	Lễ hội Chọi trâu Đồ Sơn, Lễ hội Nữ tướng Lê Chân (Lễ hội Đền Nghè), Lễ hội Chiến thắng Bạch Đằng (Thủy Nguyên), Lễ hội Hoa Phượng Đỏ.
1.11	Số làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu được hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị	Làng nghề	2	4	6	8	Trong đó, ưu tiên bảo tồn nhóm làng nghề thủ công mỹ nghệ (tạc tượng; dệt chiếu cói; đúc, đan lát mây tre,...); khuyến khích xây dựng các khu trưng bày nghề thủ công
2	Nghệ thuật biểu diễn						
2.1	Tổng số nhà hát nghệ thuật công lập	Nhà hát	0	2	2	2	
-	Nhà hát Sân khấu truyền thống (công lập)	Nhà hát	0	1	1	1	Sáp nhập Đoàn Chèo và Đoàn Nghệ thuật Múa rối
-	Nhà hát nghệ thuật hiện đại (công lập)	Nhà hát	0	1	1	1	Nâng cấp Đoàn Ca Múa Hải Phòng trở thành Nhà hát Ca Múa Nhạc Hải Phòng

-	Các Đoàn/nghệ thuật công lập khác	Đoàn	3	2	2	2	Đoàn Cải Lương; Đoàn Kịch.
2.2	Tổng số buổi biểu diễn của các đơn vị nghệ thuật công lập thực hiện	Buổi/năm	850	850-900	900-1.000	1.000	
2.3	Tổng số chương trình, vở diễn xây dựng	Chương trình, vở diễn/năm	12	15	20	20	
2.4	Tổng số buổi biểu diễn của các đội nghệ thuật quần chúng, câu lạc bộ văn nghệ	Buổi/năm	2.020	2.200	2.500	2.700	
3	Điện ảnh						
3.1.	Số Trung tâm điện ảnh/ Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng công lập	Trung tâm/ NTL	1	1	1	1	
3.2.	Tổng số rạp chiếu phim công lập	rạp	3	3	3	3	- Rạp Công nhân; Rạp 1/5; Rạp Lê Văn Tám.
3.3.	Tổng số rạp/cụm rạp chiếu phim ngoài công lập quy mô loại III, từ 500 ghế trở lên	Rạp/cụm rạp	2	3	4	5	
3.4	Số buổi chiếu phim do các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện	Buổi/năm	651	800	900 - 1.000	>1.000	
3.5	Số lượt khán giả được phục vụ	Nghìn lượt/năm	115	>120	>130	>150	
4	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm						
4.1	Tổng số trung tâm/nhà triển lãm cấp thành phố		2	1	1	1	- Năm 2015, thành phố có 2 trung tâm triển lãm: Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật; Trung tâm triển lãm văn học nghệ thuật (thuộc Hội liên hiệp văn học nghệ thuật thành phố quản lý)
4.2	Tổng số trung tâm/nhà triển lãm cấp vùng		0	1	1	1	- Đến năm 2020, nâng cấp Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật trở thành Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật, Nhiếp ảnh cấp vùng
4.3	Tổng số cuộc triển lãm thực hiện	Cuộc triển lãm/năm	16	18	22	24	
5.	Văn học nghệ thuật						
5.1.	Số tác phẩm có chất lượng đạt giải thưởng	Tác	1-2	1-2	2-3	3-4	Năm 2015, thành phố có 9 chuyên

	cấp quốc gia trở lên	phẩm/1 chuyên ngành					ngành văn học nghệ thuật: văn, thơ, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, truyền hình, kiến trúc, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian.
6	Thư viện						
6.1.	Tỷ lệ các quận, huyện có thư viện	%	86	100	100	100	
6.2.	Số lượt bản sách phục vụ trong hệ thống thư viện công cộng	Lượt bản sách/năm	400.000	420.000	450.000	500.000	
6.3	Số lượt bản đọc được phục vụ trong hệ thống thư viện công cộng	Lượt người/năm	280.000	300.000	350.000	380.000	
6.4	Mức hưởng thụ về sách bình quân đầu người của toàn hệ thống thư viện của thành phố	Bản/người/năm.	8,2	8,5-8,8	9,0	9,2	
7	Văn hóa cơ sở						
7.1	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	86	90-95	96 - 98	96 - 98	
7.2	Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố văn hóa	%	78	75-80	90 - 92	93-95	
7.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	78	95	97	98	
7.4	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa	%	67	70-75	80-85	100	
7.5	Tỷ lệ xã có nhà văn hóa	%	100	100	100	100	
7.6	Tỷ lệ huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao/ Trung tâm Văn hóa- Thông tin đạt chuẩn	%	0	20-30	40-50	70-80	
8	Gia đình						
8.1	Tỷ lệ hộ gia đình được phổ biến, tuyên truyền và cam kết thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình	%	90	92-93	95-97	96-98	
8.2	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được trang bị kiến thức cơ bản về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.	%	90	92-93	96-98	97-98	
8.3	Tỷ lệ giảm số hộ gia đình có bạo lực gia	%	15	10-15	10-15	10-15	

	đình						
8.4	Tỷ lệ giám số hộ gia đình có người mắc tệ nạn xã hội	%	15	10-15	10-15	10-15	
8.5	Tỷ lệ giám số hộ gia đình có người kết hôn dưới tuổi pháp luật quy định	%	15	10-15	10-15	10-15	
8.6	Tỷ lệ hộ gia đình dành thời gian chăm sóc, dạy bảo con, cháu, tạo điều kiện cho con, cháu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, không phân biệt con, cháu là trai hay gái	%	80	82-83	85-88	>90	
8.7	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo ông, bà, chăm sóc cha, mẹ, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ	%	85	85-87	90	>90	
8.8	Tỷ lệ hộ gia đình có người trong độ tuổi sinh đẻ được tuyên truyền và thực hiện đúng chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, không phá thai vì giới tính của thai nhi	%	84,5	85	90	>90	
8.9	Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật phúc lợi xã hội dành cho các gia đình chính sách, gia đình nghèo.	%	95	95-96	96-97	97-98	
8.10	Tỷ lệ hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo được cung cấp kiến thức, kỹ năng để phát triển kinh tế gia đình, ứng phó với thiên tai, khủng hoảng kinh tế	%	90	92-93	96-98	96-98	
8.11	Tỷ lệ tăng hộ gia đình, thành viên trong gia đình được thụ hưởng các dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục và dịch vụ hỗ trợ gia đình, hỗ trợ thành viên gia đình hàng năm	%	10	10	10	10	
8.12	Tỷ lệ quận, huyện có cơ sở tư vấn, trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình	%	86	100	100	100	
9.	Xây dựng và triển khai các đề án, quy hoạch						
9.1	Đề án quy hoạch tổng thể Khu di tích quốc	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện

	gia đặc biệt đền thờ Nguyễn Bình Khiêm, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo						sau khi được phê duyệt
9.2	Đề án quy hoạch hệ thống di tích, khảo cổ thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.3	Đề án trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa xếp hạng cấp thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.4	Lập đề án xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Dự án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.5	Đề án quy hoạch xây dựng Bảo tàng Mỹ thuật thành phố	Dự án			1		- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.6	Đề án quy hoạch xây dựng Bảo tàng Hải dương học	Dự án			1		- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.7	Đề án quy hoạch xây dựng Bảo tàng Xi măng Việt Nam	Dự án			1		- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.8	Đề án quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.9	Lập đề án xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh (gắn với khu quảng trường) tại Khu hành chính - đô thị Bắc Sông Cấm	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.10	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án quy hoạch nhà hàng, karaoke, vũ trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2007 - 2020	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt
9.11	Đề án quy hoạch quảng cáo ngoài trời và cổ động trực quan thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Đề án		1			- Lập đề án và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt

Phụ lục 2
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN THỂ DỤC THỂ THAO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 197/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2015	ĐẾN NĂM 2020	ĐẾN NĂM 2025	ĐẾN NĂM 2030	GHI CHÚ
1	Thể dục thể thao quần chúng						
1.1	Tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên	%	30,5	35	36-37	39-40	
1.2	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia tập luyện thể dục, thể thao	%	16	20-25	25-27	28-30	
1.3	Câu lạc bộ TDTT	Câu lạc bộ	2.420	2660	2.800	2.900	
2	Thể dục thể thao trong trường học						
2.1	Tỷ lệ trường trên địa bàn thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục thể chất nội khóa	%	100	100	100	100	
2.2	Tỷ lệ trường học thực hiện tốt hoạt động thể thao ngoại khóa	%	82	90	98-99	100	
2.3	Tỷ lệ học sinh phổ thông các cấp được đánh giá và xếp loại thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo	%	90	90-95	100	100	
2.4	Vị trí xếp hạng của đoàn học sinh Hải Phòng tham dự các kỳ Hội khỏe Phù Đổng Toàn quốc (các năm 2020, 2024, 2028)	Tốp đội dẫn đầu	8	8	7	7	
3	Thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang						
3.1	Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt và vượt các định mức quy định theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	%	95	95-98	99	99	
3.2	Số môn thể thao thường xuyên luyện tập	Môn	13	13	13-14	13-14	- 13 môn duy trì: Cầu lông; Quần vợt; Bóng chuyền; Bóng đá; Bơi lội; Bóng bàn; Bắn súng; các môn phối hợp

							của thể thao quốc phòng; Chạy việt dã; Võ thuật; Cờ vua; Cờ tướng; Điền kinh.
4	Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp						
4.1	Số môn thể thao trọng điểm được tập trung đầu tư phát triển	Môn	14	15	16-18	16-18	- Đến năm 2020: có 15 môn thể thao trọng điểm là Thể dục dụng cụ, Vật, Cử tạ, Đua thuyền, Bắn cung, Điền kinh, Bơi, Boxing, Bắn súng, Đấu kiếm, Thể dục Aerobic, Nhảy cầu, Bóng chuyền bãi biển, Pencak-Silat và Bóng đá. - Đến năm 2025: bổ sung thêm các môn: Lặn, Judo, Karatedo, Golf.
4.2	Vị trí xếp hạng của đoàn thể thao hải Phòng tại Đại hội Thể dục thể thao Toàn quốc	Thứ hạng	5	5	4	4	- Đại hội TDTT Toàn quốc lần thứ X- năm 2018: xếp vị trí thứ 5 - Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ IX- năm 2022 và lần thứ X- năm 2028: xếp vị trí trong top 4 đơn vị dẫn đầu.

Phụ lục 3
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2015	ĐẾN NĂM 2020	ĐẾN NĂM 2025	ĐẾN NĂM 2030	GHI CHÚ
1	Khách du lịch						
1.1	Tổng số khách du lịch	Triệu lượt	5,591	7,5 - 8	9 - 9,5	10 - 10,5	
1.2	Tổng số khách quốc tế	Triệu lượt	0,625	1,1 - 1,3	1,5 - 1,7	2,2 - 2,5	
1.3	Tổng số khách nội địa	Triệu lượt	4,966	6,4 - 6,7	7,4 - 7,8	7,8 - 8	
2	Doanh thu du lịch						
2.1	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh du lịch	Tỷ đồng	2.089	3.500 - 4.500	5.500 - 6.500	9.000 - 12.000	
3	Cơ sở lưu trú du lịch						
3.1	Tổng số phòng lưu trú	Nghìn phòng	9,315	10,0 - 12,0	13,0 - 15,0	16,0 - 17,0	
3.2	Tổng số khách sạn từ 3 sao trở lên	Cơ sở	18	30	40	55	
3.3	Tổng số khách sạn 5 sao	Cơ sở	2	3-5	5-6	6-7	
4	Lao động du lịch						
4.1	Tổng số lao động trực tiếp	Nghìn người	12,85	15,5-17,5	18,5-20,5	23-25	
5	Khu, điểm du lịch quốc gia						
5.1	Số khu du lịch được đầu tư xây dựng trở thành khu du lịch quốc gia, quốc tế	Khu du lịch	2	2	2	2	- Khu du lịch Đồ Sơn; Khu du lịch Cát Bà
6	Lập và triển khai quy hoạch						
6.1	Quy hoạch chi tiết khu du lịch Đồ Sơn	Quy hoạch	1	1			
6.2	Quy hoạch chi tiết cụm du lịch Trung tâm thành phố	Quy hoạch		1			

6.3	Quy hoạch chi tiết cụm du lịch Tiên Lãng - Vĩnh Bảo	Quy hoạch		1			
6.4	Quy hoạch chi tiết cụm du lịch Đồ Sơn - Kiến Thụy	Quy hoạch		1			
6.5	Quy hoạch chi tiết cụm du lịch Thù Nguyên	Quy hoạch		1			
6.6	Quy hoạch chi tiết cụm du lịch An Dương - An Lão	Quy hoạch		1			
6.7	Quy hoạch chi tiết khu du lịch Núi Voi	Quy hoạch		1			

Phụ lục 4

**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số: 44/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Lĩnh vực	Tổng nhu cầu nguồn vốn	Nguồn vốn ngân sách để thực hiện			Vốn huy động ngoài ngân sách (XHH)
			Cộng	Chi sự nghiệp	Đầu tư hạ tầng cơ sở	
I	Văn hóa - gia đình	3,115,000	2,663,000	1,252,000	1,411,000	452,000
1	Giai đoạn 2016 - 2020	653,000	445,000	287,000	158,000	208,000
2	Giai đoạn 2021 - 2025	1,224,000	1,060,000	402,000	658,000	164,000
3	Giai đoạn 2026 - 2030	1,238,000	1,158,000	563,000	595,000	80,000
II	Thể thao	20,104,000	1,953,000	1,172,000	781,000	18,151,000
1	Giai đoạn 2016 - 2020	8,039,000	764,000	269,000	495,000	7,275,000
2	Giai đoạn 2021 - 2025	6,347,000	515,000	376,000	139,000	5,832,000
3	Giai đoạn 2026 - 2030	5,718,000	674,000	527,000	147,000	5,044,000
III	Du lịch	122,913,000	1,288,000	114,000	1,174,000	121,625,000
1	Giai đoạn 2016 - 2020	61,429,000	454,000	30,000	424,000	60,975,000
2	Giai đoạn 2021 - 2025	30,841,000	506,000	41,000	465,000	30,335,000
3	Giai đoạn 2026 - 2030	30,643,000	328,000	43,000	285,000	30,315,000
	Cộng	146,132,000	5,904,000	2,538,000	3,366,000	140,228,000

Phụ lục 5
NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CƠ SỞ LĨNH VỰC VĂN HÓA
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 47/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách	Vốn XHH	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2025-2030
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt, hỗ trợ nâng cấp, tu bổ cấp thiết di tích cấp quốc gia	40,000	35,000	5,000	10,000	15,000	15,000
1.1	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt	20,000	18,000	2,000	10,000	10,000	
1.2	Dự án tu bổ cấp thiết	20,000	17,000	3,000	10,000	10,000	
2	Dự án Hỗ trợ đầu tư Khu lưu niệm, nhà lưu niệm lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Kết luận số 88-KL/TW ngày 18/02/2014 của Bộ Chính trị (Tôn Đức Thắng, Nguyễn Đức Cảnh...)	160,000	159,400	600	65,700	94,300	
3	Dự án kiểm kê, sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, phục dựng lễ hội	9,000	8,300	700	3,000	3,000	3,000
4	Dự án hỗ trợ bảo tồn làng nghề truyền thống	5,500	5,000	500	2,500	3,000	
5	Dự án xây dựng lễ hội cấp vùng và cấp thành phố	70,000	20,000	50,000	20,000	20,000	30,000
6	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm văn hóa thành phố	3,000	3,000		3,000		
7	Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm văn hóa đạt chuẩn	40,000	40,000		10,000	20,000	10,000
8	Trang thiết bị cho Điểm vui chơi giải trí trẻ em.	87,000	27,000	60,000	20,000	27,000	40,000
9	Liên kết cải tạo, nâng cấp rạp chiếu phim công lập	60,000	40,000	20,000	20,000	30,000	10,000
10	Xây dựng rạp chiếu phim loại III quy mô 500 ghế	80,000	-	80,000	80,000		
11	Nâng cấp Trung tâm Triển lãm và mỹ thuật trở thành Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật, Nhiếp ảnh cấp vùng	30,000	25,000	5,000	20,000	10,000	
12	Hỗ trợ trang thiết bị, nâng cấp 4 rạp hát của các đoàn nghệ thuật	38,200	38,000	200	15,000	23,200	

13	Xây dựng nhà văn hóa thôn	115,000	10,000	105,000	35,000	35,000	45,000
14	Dự án nhà hát nghệ thuật 2000 ghế tại Khu trung tâm hành chính – đô thị Bắc Sông Cấm	200,000	200,000			100,000	100,000
15	Rạp chiếu phim loại II quy mô 800 ghế tại Khu trung tâm hành chính – đô thị Bắc Sông Cấm	100,000	500	100,000		100,000	
16	Dự án xây dựng Quảng trường và tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	500,000	500,000			300,000	200,000
17	Xây dựng, nâng cấp thư viện quận, huyện	60,000	60,000		20,000	20,000	20,000
18	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu gia đình	5,300	5,300		1,800	1,500	2,000
19	Dự án nâng cấp Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch thành phố trở thành Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch	20,000	20,000		20,000		
20	Xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh	100,000	90,000	10,000			100,000
21	Xây dựng bảo tàng Mỹ thuật	100,000	90,000	10,000			100,000
	Cộng	1,863,000	1,411,000	452,000	366,000	822,000	675,000

Phụ lục 6

**NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CƠ SỞ LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách	Vốn XHH	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2025-2030
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Khu huấn luyện Đua Thuyền thành phố - Giai đoạn I	194,039	194,039		194,039		
2	Trung tâm huấn luyện và tổ chức thi đấu môn Bắn Súng, Bắn Cung - Khu Liên hợp thể thao thành phố	255,689	255,689		255,689		
3	Xây dựng sân golf Vũ Yên	7,200,000		7,200,000	7,200,000		
4	Xây dựng sân golf An Lão	3,600,000		3,600,000		3,600,000	
5	Xây dựng một số công trình thể thao, sân, nhà tập luyện, bể bơi... cho Trung tâm Thể dục thể thao cấp huyện	300,000	200,000	100,000	100,000	100,000	100,000
6	Một số hạng mục công trình Khu liên hợp thể thao thành phố	100,000	80,000	20,000		50,000	50,000
8	Đầu tư Trung tâm huấn luyện Thể thao - Du lịch biển và cứu hộ tại Vạn Ngang, quận Đồ Sơn	80,000		80,000		80,000	
9	Đầu tư Trung tâm Y học thể dục thể thao	100,000		100,000		100,000	
10	Xây dựng một số công trình thể thao, sân, nhà tập luyện, bể bơi... cấp xã	101,272	51,272	50,000	20,272	40,500	40,500
11	Thu hút các dự án đầu tư cho thể thao	7,000,000		7,000,000		2,000,000	5,000,000
	Cộng	18,931,000	781,000	18,150,000	7,770,000	5,970,500	5,190,500

Phụ lục 7

**NGUỒN VỐN CHI ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CƠ SỞ LĨNH VỰC DU LỊCH
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**
(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách	Vốn XHH	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2025-2030
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Dự án cải tạo đoạn đường Du lịch từ đầu khu I đến Đồi Độc (Đồ Sơn)	93,842	93,842		93,842		
2	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Cát Bà	150,000	150,000		150,000		
3	Dự án đầu tư xây dựng và xử lý nước thải Khu du lịch Đồ Sơn	180,000	180,000		180,000		
4	Dự án xây dựng Cảng Du lịch Quốc tế Cát Hải	600,000	600,000			400,000	200,000
5	Dự án Quảng trường biển tại Đồ Sơn	500,000		500,000		200,000	300,000
6	Dự án khu du lịch sinh thái đảo Vũ Yên	12,000,000		12,000,000	12,000,000		
7	Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Dấu	10,000,000		10,000,000	10,000,000		
8	Dự án Khu du lịch văn hóa tâm linh đảo Cái Tráp	10,000,000		10,000,000	10,000,000		
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch Núi Voi	200,000		200,000	100,000	100,000	
10	Các dự án đầu tư Khu du lịch Cát Bà (căn cứ nguồn vốn các dự án đã được UBND thành phố phê duyệt, đang tiếp tục triển khai)	12,751,000		12,751,000	12,751,000		
11	Các dự án đầu tư Khu du lịch Đồ Sơn (căn cứ nguồn vốn dự án đã được UBND thành phố phê duyệt, đang tiếp tục triển khai)	16,124,000		16,124,000	16,124,000		
12	Dự án du lịch đường sông tại một số tuyến du lịch	200,158	150,158	50,000	158	100,000	100,000
13	Thư kết các dự án đầu tư du lịch khác	60,000,000		60,000,000		30,000,000	30,000,000
	Cộng	122,799,000	1,174,000	121,625,000	61,399,000	30,800,000	30,600,000

Phụ lục 8

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ -HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách	Vốn XHH	Phân kỳ thực hiện		
					2016 - 2020	2021 - 2025	2025 - 2030
I	Lĩnh vực Văn hóa – Gia đình	997,000	812,000	185,000	143,500	531,500	322,000
1	Dự án Quy hoạch Tổng thể khu di tích quốc gia đặc biệt đền thờ Nguyễn Bình Khiêm xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	2,000	2,000		2,000		
2	Dự án cải tạo, nâng cấp Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật thành phố trở thành Trung tâm Triển lãm và Mỹ thuật, Nhiếp ảnh cấp vùng	30,000	25,000	5,000	20,000	10,000	
3	Dự án Nhà hát nghệ thuật quy mô 2000 ghế tại Khu trung tâm hành chính – đô thị Bắc Sông Cấm	200,000	200,000			100,000	100,000
4	Dự án xây dựng Quảng trường và tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu trung tâm hành chính – đô thị Bắc Sông Cấm	500,000	500,000			300,000	200,000
5	Dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống thư viện công cộng cấp quận, huyện	60,000	60,000		20,000	20,000	20,000
6	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu gia đình	5,000	5,000		1,500	1,500	2,000
7	Dự án nâng cấp Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch thành phố trở thành Trường Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch	20,000	20,000		20,000		
8	Xây dựng cụm rạp chiếu phim loại III quy mô 2-3 phòng chiếu, 500 ghế khán giả.	80,000		80,000	80,000		
9	Xây dựng cụm rạp chiếu phim loại II quy mô 3-4 phòng chiếu, 800 ghế khán giả.	100,000		100,000		100,000	

II	Lĩnh vực Thể dục thể thao	8,229,728	729,728	7,480,000	7,749,728	330,000	170,000
1	Khu huấn luyện Đua thuyền thành phố - Giai đoạn I	194,039	194,039		194,039		
2	Trung tâm huấn luyện và tổ chức thi đấu môn Bắn Súng, Bắn Cung - Khu Liên hợp thể thao thành phố	255,689	255,689		255,689		
3	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thể thao cấp quận, huyện đạt chuẩn	300,000	200,000	80,000	100,000	100,000	120,000
4	Một số hạng mục công trình Khu liên hợp thể thao thành phố	100,000	80,000	20,000		50,000	50,000
5	Dự án Trung tâm huấn luyện Thể thao - Du lịch biển và cứu hộ tại Vạn Ngang, quận Đồ Sơn	80,000		80,000		80,000	
6	Dự án sân gôn đảo Vũ Yên	7,200,000		7,200,000	7,200,000		
7	Dự án Trung tâm Y học thể thao	100,000		100,000		100,000	
III	Lĩnh vực Du lịch	62,648,842	1,023,842	61,625,000	61,248,842	800,000	600,000
1	Dự án cải tạo đoạn đường Du lịch từ đầu khu I đến Đồi Độc (Đồ Sơn)	93,842	93,842		93,842		
2	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu du lịch Cát Bà	150,000	150,000		150,000		
3	Dự án đầu tư xây dựng và xử lý nước thải Khu du lịch Đồ Sơn	180,000	180,000		180,000		
4	Dự án xây dựng Cảng Du lịch Quốc tế tại đảo Cát Hải	600,000	600,000			400,000	200,000
5	Dự án Quảng trường biển tại Đồ Sơn	500,000		500,000		200,000	300,000
6	Dự án khu du lịch sinh thái đảo Vũ Yên	12,000,000		12,000,000	12,000,000		
7	Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Dấu	10,000,000		10,000,000	10,000,000		
8	Dự án Khu du lịch văn hóa tâm linh đảo Cái Tráp	10,000,000		10,000,000	10,000,000		
9	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch Núi Voi	200,000		200,000	100,000	100,000	

10	Các dự án đầu tư Khu du lịch Cát Bà (căn cứ nguồn vốn các dự án đã được UBND thành phố phê duyệt, đang tiếp tục triển khai)	12,751,000		12,751,000	12,751,000		
11	Các dự án đầu tư Khu du lịch Đồ Sơn (căn cứ nguồn vốn dự án đã được UBND thành phố phê duyệt, đang tiếp tục triển khai)	16,124,000		16,124,000	16,124,000		
12	Dự án du lịch đường sông tại một số tuyến du lịch	200,000	150,000	50,000		100,000	100,000
	Tổng cộng	71,875,570	2,565,570	69,290,000	69,142,070	1,661,500	1,092,000

Phụ lục 9
CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

TT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2015	ĐẾN NĂM 2020	ĐẾN NĂM 2025	ĐẾN NĂM 2030	GHI CHÚ
1	Các cơ sở đào tạo						
1.1.	Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật và Du lịch	Trường	0	1	1	1	Nâng cấp Trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Du lịch trở thành Trường cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và Du lịch
1.2	Thành lập Trường năng khiếu Thể dục thể thao	Trường	0	1	1	1	
1.3	Thành lập Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao	Trung tâm	0	1	1	1	
1.4	Thành lập Học viện đào tạo Bóng đá	Học viện	0	1	1	1	
2	Trình độ nguồn nhân lực						
2.1	Tỷ lệ công chức, viên chức cấp quận huyện có trình độ từ đại học, cao đẳng trở lên	%	71,2	80-85	86-90	91-95	
2.2	Tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ từ đại học, cao đẳng trở lên	%	40	70-75	86-90	91-95	
2.3	Tổng số vận động viên được đào tạo tập trung	Người	270	300	400	450	
2.4	Tổng số vận động viên cấp I	Người	87	110-120	120-130	130-140	
2.5	Tổng số vận động viên kiện tướng	Người	75	90 -100	110-120	115-125	

Phụ lục 10
CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 147/2016/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 12 năm 2016)

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính, đất đai và đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển văn hóa, thể thao và du lịch bằng cơ chế: ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng; hỗ trợ giải phóng mặt bằng; xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu (giao thông, điện nước; thông tin liên lạc...); hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại; tạo sự thông thoáng về thủ tục hành chính trong đầu tư.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ưu tiên bố trí khu đất có vị trí thuận tiện và quy mô phù hợp với các công trình văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao khi lập quy hoạch sử dụng đất.

- Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng các tổ hợp thương mại, dịch vụ có bố trí diện tích trong công trình để làm rạp hát, rạp chiếu phim, khu trưng bày tác phẩm nghệ thuật.

- Khi quy hoạch các khu dân cư, khu công nghiệp, đô thị mới... dành quỹ đất phù hợp và thuận lợi để xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

- Tổ chức chương trình, hội nghị xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế nhằm thu hút và huy động nguồn lực cho phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

2. Nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ cán bộ làm văn hóa, thể thao toàn diện, có năng lực từ thành phố đến cơ sở.

- Xây dựng và ban hành chế độ đãi ngộ nhằm tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ cao vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Quan tâm đầu tư cho các thiết chế đào tạo năng khiếu văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao.

- Mở rộng quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng đào tạo ở các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch.

- Xây dựng và thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong trường học; gắn với việc triển khai thực hiện đề án tổng thể phát triển

thể lực, tầm vóc con người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 của Chính phủ; thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng công chức quản lý, viên chức khối đơn vị ~~sự nghiệp công lập~~.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng: vận động viên thể thao thành tích cao, nghệ sỹ sau khi không còn tham gia thi đấu và biểu diễn nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu; người lao động trong các doanh nghiệp, ngành du lịch.

- Có cơ chế hỗ trợ các nghệ nhân tham gia truyền dạy di sản và lực lượng văn nghệ sỹ sáng tác, công bố, giới thiệu tác phẩm của mình.

- Có chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với văn nghệ sỹ có tác phẩm đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế, vận động viên có thành tích thi đấu cao tại các đại hội thể thao trong nước và quốc tế.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế ưu đãi để thu hút tài năng của trí thức văn nghệ sỹ là người Việt Nam nói chung, người Hải Phòng nói riêng ở nước ngoài và các tỉnh thành phố khác về công tác, đóng góp cho thành phố.

3. Nhóm giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp; hoàn thiện tổ chức bộ máy, chính sách cán bộ

- Thực hiện thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước về phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch; đưa nội dung quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và các địa phương, từng cấp, từng ngành.

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, các cơ chế, chính sách; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định trong hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

- Triển khai theo quy chế phối hợp giữa các ban ngành, chính quyền các địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

- Tổ chức quy hoạch nguồn nhân lực quản lý và chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thiện tổ chức bộ máy trung tâm văn hóa- thể thao các cấp, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao, cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao và du lịch.

- Có tiêu chuẩn và cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý tham mưu về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh xã hội hoá

- Đảm bảo tỷ lệ đầu tư từ ngân sách thành phố cho các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch tương xứng với mức tăng trưởng kinh tế của thành phố.

- Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương và huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách, nguồn tài chính hợp pháp để đầu tư xây dựng các công trình, hạ tầng cơ sở phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

- Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về tín dụng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa giáo dục đào tạo văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao; cho vay ưu đãi đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển của thành phố; hỗ trợ cơ sở sự nghiệp công lập văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao (hoặc bộ phận trong cơ sở sự nghiệp công lập) áp dụng cơ chế xã hội hóa theo Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố; thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách sử dụng dịch vụ xã hội hóa.

- Khuyến khích phát triển các hình thức kinh doanh thể thao, đặc biệt là các loại hình thể thao gắn với du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch biển đảo; các hình thức cung ứng dịch vụ y học thể dục thể thao; các loại hình kinh doanh sản phẩm du lịch có khả năng tạo nguồn thu cao.

- Hỗ trợ từ ngân sách cho hoạt động nghiên cứu thị trường; tăng cường hỗ trợ từ ngân sách và huy động nguồn xã hội hoá cho hoạt động xúc tiến quảng bá văn hóa, du lịch.

- Lựa chọn thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa theo hình thức đối tác công tư.

- Vận dụng có hiệu quả các quy định của nhà nước nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hóa, trong đó, quan tâm thực hiện tốt chính sách như xã hội hóa hoạt động văn hóa, đẩy mạnh các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích sáng tạo, chính sách ưu đãi đầu tư.

5. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và người dân về vị trí, vai trò của văn hóa, thể thao, du lịch trong nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức xã hội ứng xử văn hóa, văn minh, bảo vệ các di tích, tài nguyên du lịch.

- Thực hiện tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm văn hóa và du lịch của thành phố trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa nghệ thuật, thể thao và du lịch trong nước và quốc tế.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các chương trình, chuyên mục trên Đài Phát thanh- Truyền hình Hải Phòng bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng, thực hiện các chương trình tuyên truyền giới thiệu

trên các đài truyền hình trong nước và quốc tế các đài truyền hình trong nước và quốc tế về hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch của thành phố.

6. Nhóm giải pháp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch vào thực tiễn.

- Tăng cường đầu tư, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các lĩnh vực: nghệ thuật biểu diễn; điện ảnh; bảo tàng; thư viện; tuyển chọn, đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao; xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch để phục vụ công tác dự báo, thông tin tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến đầu tư.

- Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý thông tin bằng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch; đẩy mạnh áp dụng hình thức thanh toán điện tử; bố trí các trạm kết nối internet không dây tốc độ đường truyền cao, miễn phí tại các khu, điểm du lịch.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại khu, điểm du lịch; khu vực bảo tồn di sản văn hóa.

- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ các khu vực khai thác khoáng sản, đảm bảo không ảnh hưởng tới các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nước mưa, nhà vệ sinh; cung cấp nước sạch tại các khu, điểm du lịch.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát đảm bảo việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; hướng đến xây dựng các sản phẩm văn hóa, du lịch thân thiện với môi trường.

7. Nhóm giải pháp về phối hợp các hoạt động văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch

- Trên cơ sở nội dung quy hoạch, các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch xây dựng các chương trình, kế hoạch phối hợp với nhau nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch đề ra.

- Chú trọng phối hợp tổ chức các hoạt động giữa văn hóa, gia đình, thể dục thể thao gắn với thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

- Tập trung khai thác thế mạnh của các di sản văn hóa để xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch - văn hóa; du lịch tâm linh độc đáo; kết hợp các môn thể thao (như các môn thể thao mạo hiểm) với các hoạt động du lịch nhằm tăng sức thu hút du khách.

- Ứng dụng y dược dân gian vào phục vụ chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho các vận động viên và phục vụ khách du lịch. Tổ chức các giải thi đấu thể thao quốc tế kết hợp với các sự kiện văn hóa để khai thác phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa; du lịch thể thao; phát triển mô hình du lịch cộng đồng.

- Tổ chức các sự kiện xúc tiến quảng bá du lịch thông qua hoạt động lồng ghép các hoạt động văn hóa nghệ thuật và thể thao.

- Triển khai lồng ghép các tiêu chí về văn hóa, thể thao trong việc xây dựng tiêu chí xã nông thôn mới và bình xét các danh hiệu gia đình văn hóa, gia đình thể thao; thôn làng, tổ dân phố văn hóa; cơ quan doanh nghiệp đơn vị văn hóa.

8. Nhóm giải pháp phối hợp và hợp tác giữa các ban ngành, vùng lãnh thổ trong phát triển các lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch

- Tăng cường công tác phối hợp giữa ngành văn hóa, thể thao và du lịch với các ban ngành có liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ của quy hoạch.

- Đẩy mạnh sự phối hợp và hợp tác giữa thành phố với các địa phương trong việc tổ chức và tham dự các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch cấp vùng, cấp quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng và triển khai các chương trình liên kết về văn hóa, thể thao và du lịch giữa Hải Phòng với các tỉnh, thành phố trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, Vùng Trung du - Miền núi Bắc bộ và các vùng khác.

9. Nhóm giải pháp hợp tác quốc tế về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch

- Phối hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật với các hoạt động quảng bá du lịch, xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư của thành phố với các nước, nhất là những tỉnh, thành phố ở nước ngoài kết nghĩa với thành phố Hải Phòng hoặc có các chương trình hợp tác phát triển kinh tế, tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế- xã hội của thành phố.

- Nghiên cứu, xác định thị trường quốc tế trọng điểm để xây dựng các sản phẩm du lịch và có hình tuyên truyền quảng bá phù hợp.

- Phát triển những hình thức hoạt động văn hoá đối ngoại đa dạng, hiệu quả để mở rộng cơ hội giới thiệu các giá trị văn hóa, thương hiệu du lịch Hải Phòng ra thế giới.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác văn hóa đối ngoại; nâng cao chất lượng đào tạo nghề du lịch văn hóa theo tiêu chuẩn nghề ASEAN.

- Hợp tác với các nước để đào tạo, bồi dưỡng tài năng văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao có trình độ cao.

- Tích cực tiếp thu có chọn lọc sản phẩm, tinh hoa văn hóa của thế giới. Thành phố đăng cai tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa nghệ thuật và thể thao quốc tế, tạo điều kiện cho công chúng được tiếp cận với các nền văn hóa, nghệ thuật đa dạng và tham gia thi đấu với các vận động viên của thế giới.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa đối ngoại theo hình thức xã hội hóa với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Liên kết xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa vùng, sản phẩm du lịch với các nước ASEAN nhằm tạo sức hấp dẫn đối với du khách. Mở rộng quan hệ với các quốc gia, các vùng lãnh thổ, các tổ chức văn hoá, thể thao và du lịch quốc tế, các tập đoàn kinh tế, các cơ quan văn hóa, văn phòng đại diện du lịch trong khu vực và trên thế giới.

- Định kỳ 5 năm/lần tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật phù hợp vào dịp kỷ niệm ngày thiết lập ngoại giao với các nước có mức đầu tư lớn vào Việt Nam và thành phố.

10. Nhóm giải pháp đảm bảo an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội trong phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

- Tăng cường biện pháp bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trong quản lý và triển khai các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho khách du lịch, đặc biệt tại các khu du lịch trọng điểm; tổ chức phân luồng, phân tuyến giao thông, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn, an ninh cho nhân dân và du khách khi tham gia lễ hội, khi tham dự các sự kiện văn hóa, thể thao và đến các điểm tham quan du lịch.

- Tăng cường kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh du lịch.

- Thực hiện các giải pháp mạnh mẽ nhằm giảm xuống mức thấp nhất nạn bạo lực gia đình, sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình, ảnh hưởng tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại (dưới hình thức truyền tải như băng, đĩa hình, trò chơi điện tử, mạng xã hội...).

- Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn đánh giá về mặt an ninh, quốc phòng, trật tự xã hội trong việc xây dựng các danh hiệu về văn hóa, gia đình và xếp hạng các cơ sở du lịch.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ các di sản văn hóa (di tích, cổ vật...), bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và đảm bảo an ninh văn hóa.